

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của Trường mầm non Vàng Anh
Năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Sức khoẻ đầu năm: - Kênh A: 240 Thấp còi: 4 Thể nhẹ cân : 7 Dư cân béo phì: 60 - Phần đầu trẻ đạt theo qui định đến cuối năm: Giảm Thấp còi > 60% Giảm Thể nhẹ cân đạt 100% Giảm Dư cân béo phì > 10%	
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	*Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt: + 100% trẻ thích nghi với các chế độ ăn khác nhau. + 100% trẻ biết gọi, đi vệ sinh khi có nhu cầu, đúng qui định. * Thực hiện một số công việc tự phục vụ, giữ gìn sức khoẻ: + Làm được một số việc với sự hướng dẫn của người lớn. + 100% trẻ biết chấp nhận đội mũ, mang giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. * Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn: + 100% trẻ tránh nơi nguy hiểm (có sự theo dõi của giáo viên) + 100% trẻ biết tránh các	*Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khoẻ: + 100% trẻ nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ năng lượng và đủ chất. Gọi đúng tên các món ăn và các dạng chế biến đơn giản. * Giữ gìn sức khoẻ an toàn + 100% trẻ có một số hành vi tốt và thói quen trong ăn uống + 100% trẻ có một số hành vi tốt và thói quen trong vệ sinh, phòng bệnh. * Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh + 100% trẻ nhận biết các dụng cụ nguy hiểm dễ gây thương tích. + 100% trẻ biết và nhận biết tránh những nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở. + 100% trẻ biết và nhận biết được các nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		hành động nguy hiểm (có sự nhắc nhở của giáo viên)	+ 100% trẻ biết không được cười đùa trong khi ăn, vì dễ bị hóc sặc. + 100% trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi giúp đỡ. * Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt: + 100% trẻ biết rửa tay khi bẩn, tự rửa tay bằng xà phòng, đánh răng, lau mặt, thay quần áo khi bị ướt, bẩn + 100% trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết dội nước sạch + 100% trẻ biết sử dụng bát thìa đúng cách, tự phục và ăn uống thành thạo.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* Mục tiêu: Giúp trẻ phát triển hài hoà về các về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng sống và thẩm mỹ. 1. Phát triển vận động + 100% trẻ khoẻ mạnh thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ các nhân. Ban đầu thể hiện được một số tố chất nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể. 2. Phát triển nhận thức: + 100% trẻ thích khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan. + 80% thể hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, biết sử dụng	* Mục tiêu: Giúp trẻ phát triển hài hoà về các về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng sống và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học tiểu học. Trẻ mẫu giáo lớn đạt được chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi gồm 4 lĩnh vực, 28 chuẩn và 120 chỉ số 1. Phát triển thể chất + 100% trẻ khoẻ mạnh tăng cân đều có khả năng phối hợp các cơ quan vận động đúng tư thế, vững vàng và biết định hướng đúng không gian + 100% trẻ biết tin tưởng vào khả năng của bản thân mình, thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh. 2. Phát triển nhận thức: - 100% trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường thiên nhiên: nhận biết được các bộ phận cơ thể, các đồ vật, động thực vật, các hiện tượng thiên nhiên. - 100% trẻ thể hiện 1 số hiểu biết về môi trường xã hội: bản thân, gia đình,

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		lời nói và hồn nhiên trong giao tiếp. 3. Phát triển ngôn ngữ: + 85% trẻ hiểu được yêu cầu, lời nói đơn giản. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu, Biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp. 4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội, thẩm mỹ: + 95% trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với người thân. + 80% trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân. + 100% trẻ nhận biết biểu lộ với con người và sự vật gần gũi + 90% trẻ thực hiện hành vi xã hội đơn giản + 100% trẻ thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc, xếp hình, xâu, xem tranh, vẽ nặn...	trường lớp mầm non, cộng đồng. + 85% trẻ nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương. + 80% trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh tại địa phương, trong cả nước. - 100% trẻ biết tập hợp số lượng số thứ tự và đếm- xếp tương ứng. + 90% so sánh, sắp xếp theo các quy tắc đơn giản. + 100% trẻ lớp lớn biết đo lường, nhận biết về một số hình hình học và định hướng trong không gian, một số nhận biết ban đầu về thời gian, + 100% trẻ tò mò ham hiểu biết, hay đặt câu hỏi tại sao? Như thế nào?... + 100% trẻ thể hiện khả năng suy luận và sáng tạo (mẫu giáo lớn) 3. Phát triển ngôn ngữ: + 100% trẻ nghe hiểu lời nói. + 85% trẻ sử dụng đúng từ ngữ, câu trong cuộc sống hằng ngày. + 90% trẻ thích làm quen với việc xem sách. + 100% trẻ mẫu giáo lớn được làm quen với việc đọc – viết. nhận dạng được 29 chữ trong bảng chữ cái + 85% trẻ nhận biết các ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, cấm lửa, cấm hút thuốc lá, cấm vào nơi nguy hiểm...) 4. Phát triển tình cảm xã hội: + 100% trẻ thể hiện ý thức được bản

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
			thân + 90% trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực trong các hoạt động. + 100% trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người và sự vật hiện tượng xung quanh. + 100% trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội. + 100% trẻ quan tâm đến môi trường mà trẻ đang hoạt động. + 100% trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh 5. Phát triển thẩm mỹ: + 80% trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật + 100% trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình. Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động đặc biệt là âm nhạc, biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát; nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ tại trường	1/ Về chăm sóc, nuôi dưỡng - Tiền ăn: 35.000đ/ngày/cháu - Thường xuyên thay đổi thực đơn để trẻ ăn ngon miệng, hết xuất, sử dụng phần mềm Foodkids để cân đối khẩu phần ăn cho trẻ. 2/ Về cơ sở vật chất: - Mỗi lớp 01 ti vi - Phòng thể chất có đầy đủ các vật dụng hỗ trợ phát triển thể chất - Có đầy đủ bàn ghế đúng quy cách, có tương đối đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi phù hợp với trẻ theo lứa tuổi và các trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.	

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		- Các lớp được trang trí đẹp, bố trí các góc hoạt động hợp lý, khoa học cho trẻ tham gia hoạt động. - Môi trường hoạt động trong lớp và ngoài sân luôn luôn được đảm bảo "xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện". 3/ Về đội ngũ sư phạm - Tổng số: 30 người + Ban giám hiệu: 03 người (gồm 03 trình độ Đại học) + Giáo viên: 21 người (gồm 9 Đại học; 06 Cao đẳng; 06 Trung cấp) + Nhân viên: 6 người (gồm 01 Đại học, 01 Trung cấp; 01 Sơ cấp) * Nội dung trọng tâm <u>1. Về phát triển số lượng</u> ☐ Phối hợp cùng các ban ngành tại địa phương tiếp tục vận động trẻ 5 tuổi ra lớp, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn phường 7 theo kế hoạch. ☐ Tăng cường các biện pháp về nâng cao chất lượng chuyên môn chăm sóc, giáo dục trẻ và cơ sở vật chất nhằm thu hút trẻ đến trường, phấn đấu đạt chỉ tiêu số lượng huy động trẻ ra lớp do Phòng Giáo dục giao đầu năm học. ☐ Phát huy hiệu quả “Mái nhà xanh” trong trường mầm non, tạo tâm thế tốt cho trẻ khi đến làm quen và dễ dàng hòa nhập vào hoạt động chung của nhà trường. ☐ Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm học 2018-2019 <u>2. Về chuyên môn</u> ☐ Tiếp tục thực hiện và nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới với phương châm đảm bảo cho trẻ phát triển tốt hơn đồng thời giảm tải lao động cho giáo viên. Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm. ☐ Thực hiện sử dụng bộ chuẩn trẻ 5 tuổi vào hỗ trợ thực hiện chương trình, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học lớp Một. Tổ chức thực hiện và sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học theo Đề án “ Tăng cường sử dụng Tiếng Anh cho học sinh” và Đề án “Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi” do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh và Sở Giáo dục – Đào tạo ban hành nhằm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.	

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		☐ Tăng cường tuyên truyền và phối hợp với cha mẹ trẻ trong việc thực hiện các chỉ số cần đạt của bộ chuẩn phát triển cho trẻ 5 tuổi tại gia đình. ☐ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giảng dạy, chăm sóc- giáo dục trẻ. ☐ Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về vệ sinh an toàn thực phẩm và trong các sinh hoạt, học tập, vui chơi tại trường. Đảm bảo tốt các yêu cầu phòng chống dịch bệnh trong nhà trường. 3. Về quản lý ☐ Tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ☐ Tiếp tục thực hiện đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên mầm non tại đơn vị. ☐ Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ, xây dựng bầu không khí thân thiện trong nhà trường, phát huy quy chế dân chủ, thực hiện tốt 3 công khai và thống nhất trong việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. * Biện pháp: - Thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ thị, văn bản của các cấp. - Về nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe: ☐ Xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích ☐ Chăm sóc sức khỏe trẻ, thực hiện công tác phòng dịch, phòng bệnh. ☐ Đảm bảo chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng thông qua hoạt động ☐ Đảm bảo chất lượng sống của trẻ tại trường mầm non, giảm tải cường độ lao động và tạo điều kiện thuận lợi trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng cho giáo viên - nhân viên. ☐ Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin vào việc tính khẩu phần dinh dưỡng, ứng dụng phần mềm bảo công nghệ để thiết kế phần phân dinh dưỡng đủ năng lượng đủ chất và cân đối theo thông tư 28 sửa đổi bổ sung thông tư 17/TT-BGDĐT - Về chuyên môn ☐ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Bộ chuẩn phát triển trẻ 5	

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		tuổi, xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm ☐ Nâng cao chất lượng quản lý chương trình giáo dục mầm non ☐ Thực hiện tốt việc triển khai thực hiện các chuyên đề trọng tâm trong năm học gồm: Xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm, hoạt động với sách và làm quan chữ viết; phát triển ngôn ngữ, đổi mới phương pháp giáo dục âm nhạc; giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. ☐ Ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong việc lập kế hoạch giáo dục và giảng dạy.	

Nhà Bè, ngày 01 tháng 11 năm 2018


HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Thị Hồng Linh

UBND HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON VÀNG ANH

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục thực tế của Trường mầm non Vàng Anh
Năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			6-12 th	13-24th	25-36 th	3-4 T	4-5 T	5-6 T
I	Tổng số trẻ em	340	03	42	32	42	75	146
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	340	03	42	32	42	75	146
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	340	03	42	32	42	75	146
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	340	03	42	32	42	75	146
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	340	03	42	32	42	75	146
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	273						
1	Kênh bình thường							
2	Kênh dưới -2	00						
3	Kênh dưới -3	00						
4	Kênh trên +2	00						
5	Kênh trên +3	00						
6	Phân loại khác							
7	Số trẻ em thể nhẹ cân	07						
8	Số trẻ em béo phì	60						
9	Số trẻ em thể thấp còi	4						
VI	Số trẻ em học các chương trình CSGD							
1	Đối với nhà trẻ							
a	Chương trình CSGD trẻ 3-36 tháng							
b	Chương trình GDMN	340						

2	Đối với mẫu giáo							
a	Chương trình CSGD mẫu giáo							
b	Chương trình 26 tuần							
c	Chương trình 36 buổi							
d	Chương trình GDMN	240						

Nhà Bè, ngày 01 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Linh

Nguyễn Thị Hồng Linh

UBND HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON VÀNG ANH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mầm non Vàng Anh
Năm học: 2018-2019

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	08	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	08	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhò		-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2764,6 m2	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1606m ²	6,42 m2/1trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	144.m2	3,6.m2/1trẻ
2	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	16m2	0,4 .m2/1trẻ
3	Diện tích hiên chơi (m ²)	m2	m2/1trẻ
4	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	56m2	0,22m ²
5	Diện tích phòng hành chánh đúng quy cách (m ²)	15m ²	
6	Diện tích phó hiệu trưởng đúng quy cách (m ²)	23m ²	
7	Diện tích phòng y tế đúng quy cách (m ²)	12m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	100% các lớp có đủ đồ chơi theo danh mục đồ chơi qui định	
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	01máy chiếu+ 01 bảng tương tác	08/08 lớp có 01 ti vi
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	08	08/08

2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)		
3	Máy photocopy(Thuê)	01	
5	MÁY tính bàn	05	
6	Laptop	03	
7	Thiết bị khác	01 bảng tương tác	
8	Đồ chơi ngoài trời	03 bộ trò chơi liên hoàn, 4 xe đạp, 06 thú nhún, 01 thuyền rồng, 03 cầu trượt, 03 bể bơi, 01 bộ đồ chơi bánh xe, 01 bộ đồ chơi mút và một số loại đồ chơi vận động khác	
9	Bàn ghế đúng quy cách	300 bộ	
10	Thiết bị khác...	100% trẻ nhà trẻ có giường, nôi để ngủ cá nhân	

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Số lượng (m ²)			
			Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	06	36	285		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	Có	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	Có	
XV	Tường rào xây	Có	

Nhà Bè, ngày 01 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Thị Hồng Linh

6	Nhân viên bảo vệ	02	00							02	
---	---------------------	----	----	--	--	--	--	--	--	----	--

Nhà Bè, ngày 01 tháng 11 năm 2018



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Linh